

Số: /QĐ-KKT

Khánh Hòa, ngày tháng 10 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2024

### TRƯỞNG BAN

#### BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ VÂN PHONG TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 04/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Công văn số 5032/STC-TCHCSN ngày 07/10/2024 của Sở Tài chính về việc phân bổ kinh phí được sử dụng từ nguồn cải cách tiền lương;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong theo phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng các phòng, đơn vị thuộc và trực thuộc Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3 (VBĐT);
- Sở Tài chính (VBĐT);
- Lưu: VT, VP, PTTV, 03

**KT. TRƯỞNG BAN**  
**PHÓ TRƯỞNG BAN**

**Lê Hồng Phương**

**Đơn vị: Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong**  
**Chương: 505**

**ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO  
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-KKT ngày /10/2024  
của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong)

*ĐVT: đồng*

ST T	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số phân bổ	Trong đó	
				BQL Khu kinh tế Vân Phong	BQL dự án hạ tầng Khu kinh tế và KCN
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4=5+6</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>				
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>				
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>				
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>				
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>1.1</b>	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>749.000.000</b>	<b>749.000.000</b>	<b>749.000.000</b>	
	<i>Loại 340 - Khoản 341 - Nguồn 13</i>	<i>749.000.000</i>	<i>749.000.000</i>	<i>749.000.000</i>	
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	604.000.000	604.000.000	604.000.000	
	- Kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương	145.000.000	145.000.000	145.000.000	
<b>1.2</b>	<b>Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương</b>	<b>-749.000.000</b>	<b>-749.000.000</b>	<b>-749.000.000</b>	
	<i>Loại 340 - Khoản 341 - Nguồn 14</i>	<i>-749.000.000</i>	<i>-749.000.000</i>	<i>-749.000.000</i>	
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	-604.000.000	-604.000.000	-604.000.000	

ST T	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số phân bổ	Trong đó	
				BQL Khu kinh tế Vân Phong	BQL dự án hạ tầng Khu kinh tế và KCN
	- Kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương	-145.000.000	-145.000.000	-145.000.000	
<b>1.3</b>	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>				
<b>2</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>				
<b>2.1</b>	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>				
<b>2.2</b>	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>				